

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 02 - 8 - 2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG; TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường và ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Anh – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Ngô Q, sinh năm 1971 và bà Võ Thị C, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Cư K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** - Ông Võ Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt có lý do)

- Bà Nguyễn Thị Mười B, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Cư K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Ngô Q và bà Võ Thị C trình bày:

Ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mười B có vay mượn của vợ chồng tôi (Q – C) nhiều lần và vào ngày 13/8/2016 chốt nợ ông bà còn nợ chúng tôi số tiền 213.200.000 (hai trăm mười ba triệu hai trăm nghìn) đồng, mục đích vay để cho người khác vay lại và đáo hạn ngân hàng, hẹn đến ngày 30/8/2016 sẽ trả, thỏa thuận miệng lãi suất là 15.000.000 đồng/1.000.000đồng/ngày. Hai bên làm giấy viết tay và ông H, bà B có ký nhận nợ. Ông bà có ghi cầm cố cho chúng tôi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 671384 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 085824 nhưng thực tế không giao cho chúng tôi giấy tờ gì. Từ khi vay đến nay, ông H, bà B mới chỉ trả chúng tôi số tiền gốc là 10.000.000 đồng tiền mặt và trừ nợ tiền hàng 3.200.000 đồng, ngoài ra ông bà không chịu trả cho chúng tôi số tiền nào mặc dù quá hạn đã lâu và chúng tôi đã nhiều lần đòi nợ.

Nay tôi đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà B phải trả cho chúng tôi số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng, về tiền lãi thì chúng tôi không yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2018 và trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn – bà Nguyễn Thị Mười B – trình bày: Tôi có vay mượn của ông Q, bà C hai lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: vay số tiền 60.000.000 đồng (không rõ ngày vay) và trả lãi hàng tháng với lãi suất như ông Q, bà C đã trình bày. Tôi đã trả được 20.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 24/12/2016 âm lịch (tức ngày 21/01/2017). Còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền vay nợ gốc.

Lần thứ hai: vay số tiền 120.000.000 đồng (không rõ ngày vay) và hẹn đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả lại. Tuy nhiên tôi cho người khác mượn, họ không trả lại tôi nên tôi không có tiền trả cho ông bà.

Đến ngày 13/8/2016, ông Q, bà C tính thêm tiền lãi với lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tổng tiền lãi của hai khoản vay là 53.200.000 đồng rồi viết giấy chốt nợ là 213.200.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất như ông Q, bà C đã trình bày. Tôi nói dối chồng vay số tiền 213.200.000 đồng là vay cho gia đình để chồng tôi ký vào giấy vay chứ chồng tôi hoàn toàn không biết việc tôi vay mượn như thế nào và cũng không được cầm tiền. Sau này mỗi lần ông Q, bà C đến đòi nợ đều cộng thêm tiền lãi và bắt tôi viết lại giấy nhận nợ nhưng không trả cho tôi giấy ghi nợ cũ nên ngoài giấy nợ số tiền trên tôi còn một giấy nhận nợ 289.052.000 đồng nhưng ông Q, bà C không cung cấp cho tôi.

Nay ông Q, bà C yêu cầu tôi phải trả số tiền 200.000.000 đồng tiền vay nợ

gốc thì tôi chỉ đồng ý trả 160.000.000 đồng là tiền vay nợ gốc, còn lại 40.000.000 đồng là tiền lãi tôi không có khả năng trả nên tôi xin không phải trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2018 và trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn – ông Võ Văn H – trình bày:

Vào ngày 13/8/2016, ông Q, bà C có vào nhà tôi nói tôi ký giấy nhận nợ, vợ tôi nói dối tôi vay tiền để đáo hạn Ngân hàng nên tôi có ký vào giấy vay 213.000.000 đồng còn thực tế tôi không được nhận tiền. Vợ tôi vay mượn tiền ông Q, bà C sử dụng vào mục đích gì tôi không biết, sau này mới biết là vợ vay cho người khác mượn. Tôi nhất trí với ý kiến của vợ tôi, chỉ đồng ý trả 160.000.000 đồng tiền vay nợ gốc còn 40.000.000 đồng tiền lãi tôi không đồng ý trả.

Tại phiên tòa ngày 13/7/2018, bị đơn Võ Văn H vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Võ Văn H vắng mặt lần 2 có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn H. Bị đơn Võ Văn H đã có lời khai cũng như quan điểm trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Các đương sự khác vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại các phiên hòa giải.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS năm 2015. Áp dụng vào Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS 2015. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mười B phải trả cho ông Ngô Q và bà Võ Thị C số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn cư trú tại xã Cư K, huyện K, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Giấy vay tiền lập ngày 13-8-2016 thể hiện vợ chồng ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mười B có vay của ông Ngô Q và bà Võ Thị C số tiền gốc là 213.200.000 (hai trăm mười ba triệu hai trăm nghìn) đồng, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, thời hạn vay đến ngày 30/8/2016, thỏa thuận lãi 15.000 đồng/triệu/tháng. Ông Q, bà C thừa nhận ông H, bà B mới trả được 13.200.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại chưa trả là 200.000.000 đồng đã quá hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Ông H, bà B không thừa nhận số tiền ghi trong giấy vay nợ là tiền vay nợ gốc mà cho rằng gồm 160.000.000 đồng tiền gốc và 53.200.000 đồng tiền lãi, đã trả được 13.200.000 đồng tiền. Nhưng lời khai của ông H, bà B không được ông Q, bà C thừa nhận và ông bà cũng không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho việc này. Mặt khác nội dung giấy vay có ghi “*vợ chồng tôi có thể chấp thêm đất nhà ở.....với số tiền là gốc 213.200.000đ (hai trăm mười ba triệu hai trăm ngàn đồng)*” do chính bà B viết, ông H cũng đã ký nhận nên ông bà cho rằng 213.200.000 đồng gồm cả gốc và lãi là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Q và Võ Thị C đề nghị Tòa án buộc bị đơn Võ Văn H và Nguyễn Thị Mười B phải trả 200.000.000 đồng tiền vay nợ gốc mà không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mười B phải chịu án theo quy định của pháp luật: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 35, Điều 39, Điều 147 BLTTDS 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngô Q và Võ Thị C;

Buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mười B phải trả cho ông Ngô Q và bà Võ Thị C số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mười B phải chịu án 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên ông H và bà B thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, ông bà có đơn xin miễn án phí nên Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho ông H và bà B là 10.000.000 đồng.

Ông Ngô Q và bà Võ Thị C được nhận lại 5.400.000 (năm triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001837 ngày 16/04/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Hưng

